

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

Bộ-trưởng bộ Quốc-gia Giáo-dục.

Chiếu theo sắc-lệnh số 146 ngày 10 tháng 8 năm 1946 định các bậc học của nền giáo-dục nước Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hòa;

Chiếu theo sắc-lệnh số 147 ngày 10 tháng 8 năm 1946 về sự tổ-chức và chương trình đại-cương bậc học cơ-bản;

Chiếu theo tờ-trình của ông Tổng Giám-độc tiểu-học-vụ;

Sau khi Hội-đồng Cố-vấn học-chính đã thỏa-hiệp.

NGHỊ-ĐỊNH:

Điều thứ nhất. — Bắt đầu từ niên học 1946-1947 các trường tiểu-học nam nữ cũ sẽ gọi là trường cơ-bản và chia ra làm bốn lớp: lớp tư, lớp ba, lớp nhì và lớp nhất.

Điều thứ 2. — Chương-trình học cơ-bản cho tất cả bốn lớp định theo bản nghị-định này và sẽ thay chương trình chuyển-tiếp từ niên học 1946-1947.

Điều thứ 3. — Bảng chia giờ cho các môn dạy và cho các lớp định theo chương-trình.

Điều thứ 4. — Các nam nữ giáo-viên ngạch tiểu-học cũ sẽ là nam nữ giáo-viên bậc học cơ-bản và dạy ở tất cả các lớp cơ-bản. Nếu không đủ, các nam nữ giáo-viên sơ-cấp sẽ được cử dạy ở các lớp tư và lớp ba các trường cơ-bản.

Điều thứ 5. — Ông Giám-độc Tiểu-học-vụ chiếu-nghị thi hành.

Hà-nội, ngày 10 tháng 9 năm 1946

Đ. L. Bộ-trưởng bộ Quốc-gia Giáo-dục,
CA-VĂN-THỊNH

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH ĐỨC-DỤC

Mục-dịch đức-dục là rèn cho trẻ những đức tính tốt, những tập-quán hay cần cho một người công-dân của nước độc-lập dân-chủ cộng-hòa.

Muốn đạt được mục-dịch đó, chương trình đức-dục không thể là một mớ bài luận-lý để nhồi vào sọ đứa trẻ những lý-thuyết suông về những điều thiện điều ác; những bài học học thuộc lòng (rồi đọc như vẹt). Trái lại thầy giáo phải chú trọng vào sự thực hành để rèn các tập-quán cần thiết cho một trẻ em bậc tiểu-học, để khi ra khỏi trường em đó đã thành người có tư-cách. Vì lẽ đó nên 2 lớp dưới (lớp tư và lớp ba), không phải cho bài lý-thuyết, thầy giáo tùy lúc, tùy hoàn cảnh, tùy trạng-thái, tùy những việc xảy ra trong và ngoài học đường mà gây cho trẻ em những tập quán tốt. Lên 2 lớp trên (lớp nhì và lớp nhất), thì học trò đã khôn nên có thể thêm phần luận-thuyết để chúng hiểu về lý-do những hành-vi của chúng, nhưng cũng như ở hai lớp dưới ông thầy cũng không thể nhăng bỏ được việc rèn-luyện các tập-quán (những tập-quán ghi trong chương-trình đức-dục thực-hành).

Muốn thi hành chương-trình rèn-luyện tập-quán được hoàn-hảo, thầy giáo nên ghi mấy điều sau đây:

a) Khi khuyên bảo học-trò tập một nét hay thì kiêng dùng chữ «phải» thí dụ: «em phải giữ gìn sách vở sạch

sẽ». Tại sao? Tại «phải» là bắt buộc mà đòi với trẻ em thì những cái bắt buộc là những cái chúng không thích, trước mặt mình chúng miễn cưỡng phải theo, nhưng vắng mặt mình thì đầu lại hoàn đầy. Vậy thầy giáo nên nói «em muốn đẹp thì giữ sách vở cho sạch sẽ vì có sạch sẽ mới đẹp».

b) Khi một em có một vết xấu mà thầy giáo muốn trừ thì lời kỳ là nằng mỗ nhiếc móc, không những vô ích lại còn có hại. Thầy giáo nên tìm cái mầm tốt trái lại mà em ấy đã sẵn có, rồi giúp em làm cho mầm ấy ngày một nảy nở. Khi mầm tốt lên đã mạnh thì mầm xấu sẽ lui đi.

c) Những chuyện vặt thường ngày, những thí-dụ rút ở sự thực hay ở chuyện danh-nhân trong xứ và trong sử sẽ là những tài-liệu làm cho học trò nhận thấy giáo-ly một cách rõ ràng, và sẽ có cái công kích-thích lòng trẻ.

d) Trẻ có tính hay bắt chước, vậy đòi với chúng nhất là đòi với trẻ lớp tư, thầy giáo nên tránh những lời nói thô-tục, những đầu đề xấu xa, những thái-độ nóng nảy, nên dùng lời tích-cực, nghĩa là về vấn-đề gì cũng nêu những cái hay, cái tốt, cái đẹp để hướng chúng về cái tốt điều thiện.

e) Thầy giáo nên giao-thiệp mật-thiết với gia-đình để xem xét hành-vi của trẻ lúc ở nhà và hợp tác với gia-đình xây nền đức-dục cho con trẻ. Hay nhất là tạo cho đoàn trẻ một hoàn-cảnh tốt đẹp để chúng tự nhiên hướng về điều thiện và chính-nghĩa.

f) Thầy giáo nên có một quyển sổ tay để biên-riêng tính nết từng em mà sửa chữa.

g) Sau hết, các khâu-hiệu cũng giúp cho sự rèn-luyện đức-dục được nhiều, vậy thầy giáo nên lợi-dụng.

I. — CHƯƠNG TRÌNH ĐỨC-DỤC THỰC-HÀNH

LỚP TƯ. — Không bài, không có giờ nhất định, hoàn toàn thực hành. Tùy-lúc, tùy hoàn-cảnh, tùy trạng-thái, tùy những việc xảy ra trong và ngoài học đường mà gây cho trẻ những đức tính sau đây (không bắt buộc theo thứ tự).

Thực-hành — vui vẻ — sạch sẽ — ăn nói lịch-sự — lễ-phép (gọi dạ, báo vâng, biết chào, biết xưng-hô, biết cảm ơn) — bạo dạn — vệ-sinh chung (không nhổ bậy, không đại tiểu bậy, không đổ rác bậy...) — vệ-sinh về ăn uống (không ăn quà — không uống nước lã, v.v...) Ham thể-dục.

LỚP BA. — Không có bài và giờ nhất định — Chương-trình lớp tư. Thêm: đúng giờ, trật-tự — thẳng-thần (không lầy của người — được vật gì của ai không giữ làm của mình). Yêu thương mọi người (không chơi ác, giúp đỡ lẫn nhau, không nói xấu...) — Yêu thương loài vật (vô cớ không đánh chó, đánh mèo, không bắt hay giết các con vật nhỏ, v.v...).

LỚP NHÌ. — Có giờ nhất định, có bài. Nhưng vẫn chú-trọng về phần thực-hành — Chương trình hai lớp trên.

Thêm: giữ gìn của công (không phá hủy đồ đạc công, không vẽ bậy lên tường, không phá cây, ngắt hoa ở chỗ đất công, không đi tạt lên nơi có giống giết. v.v...).

Trọng lời hứa trọng danh dự (không tể cho bị mắng, bị phạt, ganh đua cho bằng anh em v. v...). Chỉ tự-lập (không chép bài của anh em, v. v...). Không cờ bạc (đánh đáo, đánh bài ăn tiền, v. v.). Tiết-kiệm.

LỚP NHẬT. — Có bài và giờ nhất định như ở lớp nhì — Chương trình ở lớp trên.

Thêm: tin h-thần kỷ-luật. Nhận trách-nhiệm — tận tâm với chức vụ, có tổ-chức, có sáng-kiến, tinh-thần tập thể. Cho học trò tham-gia vào các công cuộc xã-hội cứu-tê, đực-anh, sửa sang đường xá, giữ gìn giếng, v. v..

Chương-chú: Trong bản chương-trình đức-dục thực-hành chỉ kể những đức-tính mà ông thầy có thể hàng ngày rèn-luyện cho trẻ trong phạm-vi học-đường. Còn những đức-ính khác nói trong phần đức-dục lý-thuyết mà không kể trong bản chương-trình đức-dục thực-hành ông thầy tùy theo trường hợp, tùy theo hoàn-cảnh mà rèn luyện cho trẻ. Về việc thực-hành ở những trường có nhiều giáo-viên, các ông giáo phải đồng ý với nhau để cho việc rèn luyện được nhất-trí. Thí-dụ trong việc dạy về lễ phép các ông giáo phải đồng-ý về cách xưng-hô, cách xử-trí, cách chào hỏi của học trò tất cả các lớp.

II. — ĐỨC-DỤC (phần lý-thuyết)

LỚP NHÌ. — 1) Bồn-phận trong gia-đình.

Bồn-phận đối với ông bà cha mẹ. Bồn-phận đối với anh chị em. Trách-nhiệm huynh-trưởng. Bồn-phận đối với họ hàng. Bồn-phận đối với những người giúp việc.

2) Bồn- phận ở học-đường.

Bồn-phận đối với thầy: vâng lời, tôn trọng, yêu mến, biết ơn. Bồn-phận đối với bạn: yêu mến nhau, giúp đỡ lẫn nhau — bênh vực kẻ yếu. Bồn-phận đối với thầy và bạn sau khi thôi học.

3) Bồn-phận đối với mọi người.

Lễ phép. Giúp đỡ kẻ khó, kẻ tàn tật, giúp đỡ mọi người. Xã-giao ở ngoài đường, ở nơi đông người. Trọng lời hứa. Khiêm-tôn.

4) Bồn-phận đối với bản thân.

Sạch sẽ — thư-tự — điều-độ — luyện tập thân thể. Biết phòng xa và tiết kiệm. Tập sống giản-dị. Tránh thói xa-hoa.

LỚP NHẤT. — 1) Bồn-phận đối với bản thân.

Sự cố gắng. Rèn luyện tâm tính. Can-đảm, trọng danh-dự. Cái hại của tính ý-lại. Chỉ tự-lập. Hiểu biết trách-nhiệm. Có tổ-chức. Có sáng kiến. Tinh-thần kỷ luật. Tinh-thần tập-thể. Sự chọn nghề. Lương-tâm nhà nghề.

2) Bồn-phận đối với mọi người.

Xã giao (ở trong một buổi họp hội-đồng, ở phòng diễn-thuyết, ở rạp hát, ở phòng bệnh...).

Công-bằng, trọng tính-mệnh, tài-sản, danh-dự của người khác.

Nhân-ái: lòng tương-trợ, tinh-thần hy-sinh.

3) Bồn-phận đối với tổ-quốc.

Sự biết ơn đối với tiền nhân đã có công khai-thác cho tổ-quốc. Sự cố gắng để giúp vào sự cường-thịnh của tổ-quốc. Trọng pháp-luật. Đặt quyền lợi của quốc-gia trên quyền lợi của cá-nhân.

4) Bồn-phận đối với nhân-loại.

Sự thân-thiện đối với các dân-tộc khác.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

Mục-dịch của công-dân giáo-dục là rèn-luyện và trau-giỏi cho trẻ em những tập-quán và trí-thức cần thiết cho một người công-dân ở nước dân-chủ cộng-hòa. Ở lớp tư và lớp ba phần trí-thức chưa bàn đến, vì học-sinh hãy còn nhỏ. Vào tuổi ấy, trẻ em cần được rèn-luyện một cách thiết-thực về phương-diện tập-quán tốt. Những tập quán về vệ-sinh riêng, và vệ-sinh chung, những cử-chỉ hành-vi ở nơi công-cộng, ở trong đoàn-thể đều phải do sự huấn-luyện hàng ngày, xét nét hàng ngày trở nên thiên-tĩnh thứ hai của trẻ em. Những buổi chào cờ, những ngày quốc-khánh, những lễ kỷ-niệm các bậc tiên-liệt đều là trường-hợp rất tốt để huấn-luyện trẻ em về bồn-phận của công-dân đối với Quốc-gia. Mỗi khi có hội-đồng ủy-ban hàng xã, cuộc tổng-tuyển cử hay một công-cuộc công cộng nào, giáo-viên đều nên giắt trẻ em đến thăm qua để gợi trong óc chúng một chút ý-niệm về đời-sống và đời tập-thể.

Lên lớp Nhì và lớp Nhất, trẻ em đã hiểu đôi chút học-đường có thể trau giồi cho chúng một ít trí-thức dân-dị về quyền-lợi và nghĩa-vụ của công-dân, cách tổ-chức của nước dân-chủ cộng-hòa cùng một vài vấn-đề xã-hội như là đời-sống-mới và hợp-tác-xã. Giáo-viên vẫn tiếp-tục công cuộc làm ở lớp dưới nhưng giảng thêm cho chúng những điều cần biết về mấy vấn-đề kể trên. Trong sự giảng-giấy, giáo-viên sẽ cố sức dùng phương-pháp cụ thể và lợi dụng các trường-hợp thuận-tiện để làm cho học-sinh hiểu rõ quyền-lợi của mình ở trong nước dân-chủ cộng-hòa và nghĩa-vụ của mình đối với Quốc-gia và dân-tộc.

III. — CHƯƠNG-TRÌNH CÔNG-DÂN GIÁO-DỤC

LỚP TƯ. — Không có.

LỚP BA. — Không có

LỚP NHÌ. — Cách tổ-chức về hành-chính trong làng, huyện, tỉnh.

Bồn phận người công-dân ở trong làng. Tham-dự vào các việc công-ích trong làng và các làng lân-cận. Trọng của công. Giữ vệ-sinh chung. Cách cư-xử ở chỗ đông người. Chính-thể nước dân-chủ cộng-hòa. Bồn-phận và quyền-lợi của một người dân nước dân-chủ cộng-hòa.

LỚP NHẤT. — Cách tổ-chức nước Việt-Nam về chính-trị.

Bầu cử — Nghị-viện — Ban thường-vụ. Nội-các. Chủ-tịch chính-phủ. Các bộ và các bộ-trưởng. Hiến-pháp. Luật-pháp thường-thức. Hợp-tác-xã. Đời-sống-mới.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH VIỆT-NGŨ

Khoa Việt-ngữ ở trường tiểu-học không có cao vọng đào tạo học trò thành những văn-sĩ hoặc thi-sĩ, mà chỉ có mục-dịch làm cho đứa trẻ khi thôi học có những tài liệu và biết dùng những tài-liệu đó trong sự tiếp-súc hàng

ngày hoặc để phát-biểu cảm-giác, tư-tưởng của mình, hoặc để thâu-nhận tư-tưởng của người khác.

Từ nay, tất cả các khoa học đều dạy bằng tiếng Việt, vậy mục-dịch trực-tiếp của khoa Việt-ngữ là làm cho học trò có một công-cụ cần thiết trong sự học-tập.

Chương-trình Việt-ngữ gồm có:

- 1) Ngữ-vựng,
- 2) Tập đọc và học thuộc lòng,
- 3) Chính-tả và viết tập,
- 4) Tập làm văn,
- 5) Văn-phạm.

Về môn ngữ-vựng, có nhiều người sợ dạy nhiều chữ thường thấy và thường nghe làm trẻ chán và phụ-huynh chúng coi thường những chữ học tập đều ở phạm vi đời sống hàng ngày, nhưng phần đông nói chưa được đúng, viết chưa được thạo vậy ta không nề hà gì mà không cho các em học cho kỹ, dùng cho đúng. Thầy giáo nên tìm những tiếng thường dùng trong đời thực-tế mà dạy cho học trò để chúng có đủ chữ dùng. Lên lớp nhất, nên để mỗi tháng một kỳ dạy riêng những tiếng mượn ở nước ngoài, những thuật-ngữ, tân-ngữ, những danh-từ Việt-Hán để cho học trò đọc các công-văn, báo-chí và sách mới có thể hiểu được.

Về tập đọc và học thuộc lòng, thầy giáo nên chú ý vào cách đọc, bắt chúng đọc đúng, rõ từng tiếng, từng chữ, phân biệt tr với ch, x với s, d với gi, l với n, và đọc cho tự nhiên, không lè-nhè, không ẽ-à.

Về chính-tả và âm-tả nên để ý từng chữ, bắt viết thật rõ ràng và cũng như tập đọc phân biệt những chữ ch, tr, x, s, d, gi, vân vân...

Về viết tập, nên bắt nét từ lúc đầu, bắt viết cho ngay ngắn, đừng cho viết ngoáy, vì môn này có quan-hệ đến tính-nết trẻ em, cho các em viết ngoáy thì sau thành thói xấu-thả.

Về việc tập làm văn, tuy ở chương-trình lớp tư chưa có, nhưng trong những giờ ngữ-vựng và tập-đọc thầy giáo cũng nên tập cho học trò nói cho quen. Ở lớp nhất, về các bài phê-bình, giải-thích, thầy giáo nên để cho học trò tự tìm và làm lấy, đừng gà hộ, vì làm như thế là làm mất cả tính của trẻ, mà mình lại không thể hiểu được tính tình của chúng.

Còn về văn-phạm thì lên lớp nhì, lớp nhất mới có, vì môn này hơi khó, các trẻ nhỏ chưa biết được, và lại mục-dịch chỉ cốt đặt những đại-cương về ngữ-pháp thì lên hai lớp trên học cũng đủ. Môn này không nên cho bài riêng, nên cho những bài tập-đọc hay chính-tả viết đúng mà dạy.

Muốn sự dạy Việt-ngữ được dễ tận-tới, thầy giáo nên nhớ:

- 1) Mỗi văn-đề sẽ làm chủ điểm cho tất cả các môn ngữ-vựng, tập-đọc, học thuộc-lòng, tập làm văn, chính-tả.
- 2) Chương-trình Việt-ngữ không phải đứng tách hẳn với chương-trình của các môn học khác như đức-dục, công-dân giáo-dục, lịch-sử, địa-lý v. v...

Mà phải cố tìm cách cho chương-trình các môn học ấy với khoa Việt-ngữ có liên-lạc với nhau.

IV. — CHƯƠNG-TRÌNH VIỆT-NGỮ

I. — Ngữ-vựng.

LỚP TƯ. — Học-đường: Nhà trường, lớp học, đồ đạc dùng ở lớp học, thầy giáo, học trò, anh em bạn, công việc ở nhà trường, các trò chơi, bốn-phận học trò ở học-đường.

Gia-đình: Ông bà, cha mẹ, anh chị em, cô, dì, chú bác, cậu mợ, công-on cha mẹ, bốn-phận đối với các người trong gia-đình, cách xưng-hỗ.

Thân-thể: Các bộ-phận bên ngoài của thân thể. Công-dụng của mỗi bộ-phận. Những cử-động của thân-thể. Vệ-sinh (rửa, tắm, xia răng, đánh răng, chải tóc).

Quần-áo: Các thứ đồ rệt thường dùng (vải lụa...) Các thứ quần-áo Việt-Nam (áo dài, áo cánh, quần dài, quần đùi...) Khăn, giấy dép, nón, mũ. Giặt-dũ, cách giữ-gìn quần-áo.

Nhà-cửa: Các thứ nhà (nhà gạch, nhà danh, nhà lá...) Các gian nhà. Đồ-đạc thường dùng trong nhà. Vệ-sinh và nhà-cửa.

Ăn-uống: Các thứ đồ ăn thường. Các thứ đồ uống thường. Các đồ dùng trong sự ăn-uống. Vệ-sinh về ăn-uống.

Súc-vật: Gia-súc. Dã-thú. Chim. Cá. Chăn-nuôi, sản-bản, nghề đánh-cá, các thú trẻ thường thấy.

Thời-giờ: Tuần lễ, tháng, năm, 4 mùa, thời-tiết (nắng, mưa, âm, mát, nóng, rét) Các đồ dùng để biết ngày giờ, đồng-hồ, lịch.

LỚP BA. — Gia-đình: Gia-tộc, tổ-tiên, cụ họ nội, họ ngoại, anh em chị em họ (con chú, con bác, con cô, con cậu, đôi con dì). Anh em cùng cha khác mẹ. Mổ côi, tình cảm.

Thân-thể: Các bộ-phận bên trong, bệnh tật.

Quần-áo: Các thứ áo ta (đơn, kép, bông). Các bộ-phận của một chiếc áo, chiếc quần. Các bộ-phận của một bộ âu-phục. Các thứ giày mũ.

Ăn-uống: Các thứ đồ ăn. Các thứ đồ uống. Cách làm các thứ ăn, uống (xào, nấu, ninh, v. v...)

Nhà-cửa: Nhà sàn, nhà gác, lầu, túp, các phòng trong một nhà gạch. Các đồ-đạc dùng trong nhà.

Súc-vật: Dã-thú. Ấc-thú. Chim. Cá. Rừng, núi. Chăn-nuôi. Sản-bản. Bè. Nghề đánh-cá.

Thôn-quê: Nhà-cửa, vườn, ruộng, công việc đồng-àng.

Thành-thị: Nhà cửa, phố-xá, xe-cộ.

Nghề-nghiệp: Các nghề-nghiệp. Đồ dùng của thợ.

LỚP NHÌ. — Học-đường: Các nhân-viên trong học-đường: hiệu-trưởng, chương-giáo, học-sinh. Các môn học ở bậc tiểu-học.

Thôn-quê và Thành-thị: Công-sở, dinh-thự. Cách sinh-hoạt ở thôn-quê và ở thành-thị. Phong-tục, cưới xin, ma-chay, tế-lễ. Các cơ-quan hành-chính.

Thương-mại: Cửa hàng. Chợ, hàng-hóa. Cách buôn bán. Các đồ dùng về đo-lường. Cân.

Giao-thông: Sự giao-thông và các cách vận-tải.

Vũ-trụ: Trời đất. Các hiện tượng trong trời đất. Thời-tiết. Các khí-cụ để biết thời-tiết.

LỚP NHẤT. — Sự hoạt-động về thể-chất: Các môn thể-thao.

Sự hoạt-động về tinh-thần: Các bậc học. Các khoa chuyên-môn. Các nhà bác-học. Phòng thí-nghiệm. Sự sáng-chê.

Kỹ-nghệ và thương-mại: Đại kỹ-nghệ. Tiểu kỹ-nghệ. Thủ công-ngiệp. Xuất-cảng. Nhập-cảng. Hải-cảng. Ngân-hàng. Tiền-tệ.

Xã-hội: Chủng-tộc. Tôn-giáo. Các chính thể.

Bình-bị: Quân-nhân. Võ-khí. Cơ quan binh-bị. Chiến-tranh. Hòa-bình.

II. — Tập đọc và học thuộc lòng.

LỚP TƯ. — Tập nhận và nhớ mặt chữ quốc-ngữ, đọc từng chữ một, từng âm tiết một, từng tiếng một, rồi đến câu ngắn. Bắt đầu nửa năm học về sau, học trò đã phải biết đọc từng bài ngắn. Cho học thuộc lòng những câu phương-ngôn và ca-dao có ý nghĩa, hoặc có tương-quan đến chương-trình ngữ-vựng. Trong lúc học trò chưa biết đọc, biết chép bài thì thầy giáo nên dùng lời dạy truyền khẩu mà tập cho học trò lập đi lập lại những câu nên nhớ, những bài học thuộc lòng.

LỚP BA. — Tập đọc và học thuộc lòng những bài ngắn có tương-ích tới chương-trình đức-dục và ngữ-vựng, những ca-dao có ý-vị, những bài hát phổ-thông, chú-ý đến cách phát âm và giọng.

LỚP NHÌ. — Tập đọc, giải nghĩa, học thuộc lòng những bài ngắn bằng văn-xuôi và văn-văn có tính cách luân-lý, thiết-thực. Nên chọn những bài văn mới mẻ và có tinh-thần ái-quốc, ái-quần. Tập đọc cho trôi chảy và có ý-vị đọc cho tự nhiên, đừng ngâm, đừng ẽ-à.

LỚP NHẤT. — Tập đọc, học thuộc lòng những bài trích ở tác-phẩm của các văn-sĩ thi-sĩ và các nhà chí-sĩ hiện đại, tập cho quen các lời văn để tập cho học trò phê-bình giải-thích. Đọc những tác-phẩm khuynh hướng về công đức, về chủ-nghĩa quốc-gia, về đời-sống tập-thể, về chế-độ dân-chủ cộng-hòa.

III. — Văn-phạm và chính-tả.

LỚP TƯ. — Văn-phạm (không có).

Chính-tả: chép và viết chậm những chữ, những tiếng đã học ở bài tập đọc.

LỚP BA. — Văn-phạm (không có).

Chính-tả: viết những bài ngắn độ 3, 4 dòng trích ở bài tập đọc.

LỚP NHÌ. — Văn-phạm: dùng tiếng đặt câu.

Chính-tả: ám-tả những bài ngắn 5, 6 dòng an ý với chương-trình ngữ-vựng.

LỚP NHẤT. — Văn-phạm: các loại tiếng, cách dùng các loại tiếng, mệnh đề, phân-ích mệnh đề, (dùng bài chính-tả mà học văn-phạm).

Chính-tả: ám-tả những bài dài từ 10 đến 15 dòng an ý với chương-trình ngữ-vựng và văn-phạm.

Câu hỏi: giải nghĩa những chữ thông-thường, tìm ý nghĩa chính của bài chính-tả, phân-tích các tiếng và các mệnh đề.

IV. — Tập làm văn.

LỚP TƯ. — Không có.

LỚP BA:

- 1) lấy những tiếng đã học trong ngữ-vựng mà điền vào những câu thiếu.
- 2) trả lời những câu hỏi về chương-trình trong tuần lễ (ngữ-vựng, tập-đọc, học thuộc lòng).
- 3) tập đặt câu với những tiếng đã học về ngữ-vựng (làm miệng rồi mới làm bài viết).

LỚP NHÌ. — Tả cảnh, tả người, kể chuyện, viết thư rất dễ hợp với đời sống hàng ngày của học trò.

LỚP NHẤT. — Nửa năm đầu, ôn lại các thể-văn đã tập ở lớp nhì.

Nửa năm sau, tự-thuật, đơn-từ, giải-nghĩa, phê-bình.

V. — Viết-tập.

LỚP TƯ. — Tập viết những chữ và những tiếng thường lớn nửa dòng (tháng đầu viết bằng phẩy, tháng thứ nhì viết bằng bút chì, tháng thứ ba giờ đi viết bằng bút mực).

LỚP BA. — Tập viết những tiếng, những câu ngắn lớn nửa dòng.

LỚP NHÌ. — Tập viết những chữ thường và những chữ hoa lớn cả dòng, viết những câu ngắn có ý nghĩa.

LỚP NHẤT. — Cũng như chương-trình lớp nhì, thêm chữ rông.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH TOÁN-PHÁP

Chương-trình toán-học soạn theo những nguyên tắc sau này:

- 1) chỉ chọn lấy những điều cốt-yết cần cho đời-sống mà dạy cho học trò,
- 2) đào-tạo cho trẻ con có khuôn phép và khuynh-hướng về thực-tế.

Theo hai nguyên-tắc ấy, chương-trình sẽ gồm những điều cần thiết cho đời-sống và các bài dạy toán-pháp sẽ có liên-lạc mật thiết với công việc hàng ngày. Những con số dùng phải là những danh số thường gặp chung quanh mình; những tỉ-dụ, đề mục đều phải lấy trong sự kinh-nghiệm hàng ngày. Ở các lớp bé, cần có nhiều vật nhỏ như hột ngô, hột đậu, thẻ tre cho trẻ đếm.

Cũng vì những lẽ ở trên, nên phương-pháp dạy toán là phải « dạy ít, tập nhiều ».

Ở tất cả các lớp, thầy giáo nên chú-trọng về tính-nhằm, tập làm sao cho học trò làm thật nhanh thật đúng, thì khi ra đời mới có ích. Vậy nên chia chương-trình tính nhằm như sau đây:

Ở lớp Tư và lớp Ba, phần nhiều làm miệng, chỉ mỗi tuần một vài lần tập làm trên giấy thôi.

Lên lớp Nhì, nên dạy tính nhằm có phương-pháp đủ cả bốn phép cộng, trừ nhân, chia.

Lên lớp Nhất, mỗi kỳ dạy toán-pháp cũng để dành phút ôn tính nhằm và khi làm tính đồ nên cho học trò làm các tính dễ bằng miệng, không phải đặt xuống giấy, chỉ làm lời giải thôi.

Về đo-lường và hình-học, nên cho thực-hành sát sự thực cho quen, thí dụ học về cân thì cho cân thật, học về đo ruộng thì cho ra vườn ra ruộng đo thật.

Về ước-lượng, thì cho ước-lượng chiều dài, sức nặng, thời giờ, sức chứa, tập ước-lượng khi ở trong lớp, khi ra chơi khi hoạt động thanh-niên và trong các cuộc đi chơi. Bắt trẻ đo và nhớ lấy chiều dài một gang, một sải, một cánh tay, một bước của mình để khi không có thước cũng đo được.

V. — CHƯƠNG-TRÌNH TOÁN-PHÁP

LỚP TƯ. — Tập đếm các đồ-vật từ 1 đến 10 và từ 10 đến 100 (đếm ngược và đếm xuôi). Một chục, một tá.

Tập viết những số từ 1 đến 100.

Thêm bớt 1, 2, 3, 4.

Gấp đôi, một nửa. Tiền tệ nước nhà.

(Nửa năm đầu toàn làm bằng miệng, và tập cho học trò làm thật nhanh, nửa năm sau thầy giáo đã có thể tập cho học trò làm những tính cộng, trừ số nguyên với 2 con số).

LỚP BA. — Tập đếm các đồ vật từ 100 đến 1.000 (đếm ngược và đếm xuôi). Tập viết những số từ 100 đến 1.000.

Thêm bớt 5, 6, 7, 8, 9.

Học bảng cộng.

Gấp đôi, gấp ba, gấp tư.

Một nửa, một phần ba, một phần tư.

Tập làm tính cộng, trừ số nguyên với 3 con số.

Làm những tính đồ nhỏ có tính cách thiết thực thuộc về cộng, trừ 3 con số.

Tập đo chiều dài, học về tiền-tệ nước nhà.

LỚP NHÌ. — Học các số trên 1.000 và tập viết các số ấy.

Học các số lẻ,

Cộng trừ các số nguyên và số lẻ.

Học bảng nhân.

Nhân, chia các số nguyên và số lẻ.

Tính đồ về 4 phép tính.

Tính nhằm về bốn phép có phương-pháp.

Tập đo chiều dài, đo lường, cân và tập ước lượng.

Học các đường, các góc, hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác, hình chữ nhật lệch, hình thang, hình thoi.

LỚP NHẤT. — Tính nhằm có phương-pháp.

Tính giờ và cộng, trừ, nhân, chia về thời giờ.

Phân số và cộng, trừ, nhân, chia về phân số.

Quy-tắc tam-vuất.

Tính tiền đặt lãi.

Chia tiền theo tỷ-lệ.

Tính cổ-phần.

Thước vuông, sào mẫu.

Thước kẻ.

Mặt độ.

Đường tròn, hình tròn, hình vành khăn, hình nhiều cạnh, khối vuông, khối chữ nhật, khối lăng-trụ, khối viên-trụ, khối ống, khối tháp, khối chóp, khối tròn.

(Học về cái gì thì cho làm nhiều tính-đồ ứng dụng về cái ấy).

LỜI NÓI ĐẦU VỀ KHOA-HỌC THƯỜNG-THỨC

Mục-đích khoa học thường thức là dạy cho trẻ biết dùng ngũ-quan, làm cho trẻ quan-sát cùng trí phán-đoán được mớ mang và nhất là truyền thụ cho trẻ biết những điều thường thức cốt yếu cần cho đời-sống.

Vậy những bài khoa-học thường thức phải có tính cách cụ-thể nghĩa là dạy một hiện-tượng gì, một con vật gì hay một đồ vật gì, muốn cho bài ấy thật bổ ích, đưa trẻ phải đứng trước hiện-tượng ấy, phải có con vật, cái cây hay đồ vật ấy để nhận xét; muốn cho có sẵn tài-liệu, mỗi trường cần có một học-cụ khổ thật đầy đủ.

Những bài khoa-học thường thức lại phải có tính cách thực-hành để trẻ có thể ứng dụng hàng ngày: những bài ấy lại cần thích-hợp với địa-phương nữa. Ở nhà quê, chú trọng về canh-nông; ở thành-phố, chú trọng về kỹ-nghệ ở bề chú trọng về ngư-nghiệp, về kỹ-nghệ làm muối, làm nước-mắm; ở miền rừng núi, chú trọng về chăn-nuôi, kỹ-nghệ lâm-sản và sự khai-khẩn hầm-mỏ, v.v...

Bài khoa-học thường thức không những chỉ dạy ở trong lớp, nhiều khi-giảng ở ngoài giới, nhất là trong những buổi học du-ngoạn.

Bài khoa-học thường thức là một bài nhận xét. Khi học một vật gì cần đưa vật ấy ra cho học trò quan sát để định lấy tính-chất của vật ấy, nghĩa là ông thầy không phải giảng mà chỉ gợi bằng những câu hỏi khéo léo để trẻ tìm ra những điều mình định dạy. Những điều tìm thấy sẽ ghi lần lượt lên bảng để làm bài toát-yếu. Bài toát-yếu cần thực ngắn. Lại cần có những phác-họa để làm cho bài dễ nhớ.

Câu hỏi phải rõ ràng cho trẻ dễ hiểu, phải cho đích-sắc cho trẻ để ý đến những điều quan-hệ và có thứ-tự cho trẻ có cái cảm-giác đã tiên-bộ trong đường phát-minh.

VI. — CHƯƠNG-TRÌNH KHOA-HỌC THƯỜNG-THỨC

LỚP TƯ. — Không có bài. Chỉ có những giờ để học trò tập nhận xét về:

- những đồ vật liên quan đến đời sinh-hoạt hàng ngày: ăn uống, y-phục, tắm rửa,
- những đồ vật trong nhà,
- vườn-được: các hoa quả,
- các giống vật thường,

đ) giờ, ngày, tuần-lễ, tháng, bên trái, bên phải, luật đi đường.

LỚP BA. — Thân-thể người ta và các bộ-phận.

Các con vật biểu-hiệu cho từng loài: chó, mèo, trâu (bò), ngựa, chuột, (thỏ), gà, vịt, cò, bồ câu, chim sẻ, thằn lằn, rắn nước, rắn hổ mang, ếch, cóc, cá rô, cá chép, ong, kiến, bươm-bướm, ruồi, muỗi, trai, ốc, giun.

Bên trái, bên phải, luật đi đường.

Cách xem giờ và xem lịch.

Phương-hướng, các mùa.

LỚP NHÌ. — Thân-thể người ta: ngũ-quan, sự tiêu-hóa, sự hô-hấp, sự tuần-hoàn, sự bài-tiết, thần-kinh-hệ.

Động-vật: các loài, các con vật có ích và các con vật có hại.

Thực-vật: các bộ-phận của cây, những cây có ích, quả đất, bầu trời, mặt trời, mặt trăng, sao, nhật-thực, nguyệt-thực, gió, bão, mây, mưa, sương mù, nước thủy-triều, nước lũ, lụt.

LỚP NHẤT. — Khoáng-vật: đá, đất sét, cát, đá vôi, than đá, muối, dầu hỏa.

Kim-khí: vàng, bạc, sắt, đồng, chì, thiếc, kẽm.

Trọng-lực, trọng-lượng, nguyên tắc đòn bẩy, các thứ cân.

Không-khí, sự chạy, áp-lực của không-khí: phong-vũ-biểu, khí-cầu, máy bay.

Nước, áp lực của nước, các vật nổi (thuyền, bè, tàu thủy), nguyên-tắc bình thông nhau.

Ba trạng thái của vật-thể, các sự đổi thế.

Hơi nóng, sự nở của các vật: hàn thử-biểu.

Máy hơi nước, máy nổ.

Điện, sấm, chớp, đèn-điện, xe-điện, điện báo, điện-thoại, chuông-điện, vô-tuyến-điện, cột thu-lôi.

Máy ảnh, máy hát.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, KỸ-NGHỆ, THỦY-LÂM

Lên lớp Nhất, học trò đã sắp thôi học, nên cần dạy để họ chú ý đến nghề thường-thức ở vùng họ.

Các trường tỉnh nên chú-trọng về công-nghệ.

Các trường thôn-quê nên chú-trọng về canh-nông và chăn nuôi.

Các trường thương-du nên chú-trọng về thủy-lâm.

Các trường miền bể nên chú-trọng về công-nghệ đánh cá, phối cá, ướp cá.

Các môn này nên dạy bằng cách thực hành và cho học trò đi xem để nhận xét tận nơi.

VII.—CHƯƠNG-TRÌNH DẠY VỀ CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, KỸ-NGHỆ, THỦY-LÂM

Canh-nông. — Cách làm đất — Cách ương hạt và trồng các thứ cây: rau, đậu, ngũ-cốc, cây có củ, cây đậu, cây ăn quả — Các thứ phân và cách bón — Cách để phân — Cách tưới cây — Các sâu bọ làm hại cây và các cách trừ

Cách tiếp canh và triết cây — Cách chọn và để hạt giống Các đồ dùng về canh-nông.

Chăn-nuôi. — Cách chăn nuôi và săn-sóc các gia-súc như trâu, bò, ngựa, lợn, gà, vịt, chim bồ-câu, thỏ — Cách nuôi tằm — Cách làm chuồng cho các gia-súc.

Công-nghệ. — Làm bún, làm miến, làm các thứ bột, ép dầu, làm nến, làm sà-phòng, thuốc da, làm đường, máy sợi, máy gao.

Công-nghệ miền bể. — Cách đánh cá — Cách làm muối Cách làm nước mắm — Cách làm các thứ mắm — Cách ướp cá.

Thủy-lâm. — Ích lợi của rừng, — Cái hại phá và đốt rừng — Cách đồn rừng, cách chặt cây, cách đốt rừng, cách ương rừng — Các thứ cây chính trong rừng và các lâm-sản — Cách làm than củi.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH VỆ-SINH

Mục-dịch vệ-sinh là giữ gìn cho trẻ em được khỏe mạnh.

Muốn giữ được sức khỏe cần hai điều cốt yếu:

a) ăn ở cho sạch-sẽ,

b) đề-phòng các bệnh tật.

Chương-trình vệ-sinh qui cả vào hai điều ấy.

Khoa vệ-sinh không phải chỉ là một khoa-học để mà biết về khoa này, sự thực-hành là một sự bắt buộc.

Ở lớp Tư và lớp Ba không có bài và giờ nhất định. Ông thầy nên lợi dụng những trường hợp thuận tiện mà cho trẻ thực-hành những điều thiết yếu về vệ-sinh riêng và vệ-sinh chung.

Khi thực-hành, cần chỉ rõ cách thức và xét nét từng li từng tí để tập cho trẻ tính thứ-tự và cẩn-thận.

Cần nhất là làm thế nào cho đứa trẻ tự nó thích ăn ở hợp vệ-sinh, thiếu vệ-sinh nó sẽ thấy khó chịu, khổ sở. Chỉ có cách là gây cho nó những tập-quán vệ-sinh bằng sự cho thực hành hàng ngày những điều thiết-yếu về sự bảo-vệ sức khỏe.

Từ lớp Nhì trở lên đã có bài và các bài phải ăn ý mật thiết với chương-trình cách-trí. Thí-dụ: bài cách-trí nói về tiêu-hóa, tuần-hoàn, v.v. thì vệ-sinh tiêu-hóa, tuần-hoàn dạy ngay vào đây.

Bài chỉ đề ghi một vài điều cho dễ nhớ, còn thực-hành vẫn là phần chính.

Vệ-sinh giúp cho sự cải-tạo nòi giống và làm cho đời người được sung sướng hơn nhờ có một sức khỏe đầy đủ. Vì lý-do ấy, khoa vệ-sinh là một khoa rất quan-trọng trong chương-trình này.

VIII.—CHƯƠNG-TRÌNH VỆ-SINH

Lớp Tư. — Không có bài và giờ nhất-dịnh, hoàn toàn thực hành vào trường hợp thuận tiện để gây những tập-quán về vệ-sinh.

Thân-thể. — Rửa tay, mặt, tai, cổ, chân, tắm, gội đầu, chải đầu, xỉa và đánh răng, cắt móng tay, móng chân, xỉ

mũi, không dụi mắt, không mút ngón tay, không nhai áo. Ngồi ngay ngắn, không tựa ngực vào bàn.

Quần áo.— Quần áo giữ cho sạch sẽ. Quần áo bẩn bắt thay ngay.

Đồ ăn, đồ uống.— Rửa tay, mồm, trước khi ăn cơm, không ăn các thứ không dạy kỹ, không ăn quả vật, không uống nước lã, không ăn quả xanh, rau sống.

Nhà cửa.— Không nhổ bậy, không bôi bẩn ra tường, viết lên bàn ghế.

Chung quanh mình.— Không ném giấy, rác.

LỚP BA.— Không có bài, cũng không có giờ nhất định như ở lớp tư.

Thân-thể.— Thờ bâng mũi, không ngoáy mũi bằng ngón tay, không ngoáy tai bằng các vật cứng, tắm và kỳ cọ, không tắm và không chạy nhảy lúc ăn no, có mồ hôi không đứng trong luồng gió và không tắm, đọc không được để sách gần mắt, ngủ dậy sớm.

Quần áo.— Không mặc quần áo chật quá, không thắt lưng chặt quá.

Ăn uống.— Nhai kỹ để ăn, không ăn no quá, không ăn đồ ăn sống hay thiu, uống nước lã đã đun sôi.

Nhà cửa.— Rảy nước trước khi quét nhà, dùng chổi cán dài, mở rộng cửa cho ánh sáng và không khí vào.

Chung quanh mình.— Không phóng uế bậy.

LỚP NHÌ.— Có bài và có giờ nhất định.

Thân-thể.— Da, miệng, răng, tóc, mắt, mũi, tai, thể dục, tắm rửa, vệ - sinh về ăn uống, về hô-hấp, về tuần-hoàn, về thần-kinh-hệ.

Quần áo.— Quần áo phải thế nào, cách đặt quần áo, cách giữ gìn quần áo.

Ăn uống.— Ăn uống chừng mực, sạch sẽ, bài trừ thói ăn kiêng không hợp lý, các đồ ăn đồ uống lạnh, bỏ, các đồ ăn đồ uống có hại. Cách để đồ ăn.

Nhà cửa.— Nhà cửa phải thế nào, cách giữ nhà cửa cho hợp vệ - sinh. Chung quanh nhà cửa phải thế nào. Cách trừ ruồi, muỗi, rệp.

Chung quanh mình.— Không đổ rác, quảng sác súc vật chết xuống hồ, ao, sông, bên hay gần nhà cửa.

LỚP NHẤT.— Các bệnh thường: nhức đầu, sổ mũi, đau bụng, đầy bụng, đi ngoài, cảm thường. Ký - sinh - trùng và vi-trùng.

Các bệnh hay lây và bệnh dịch: ghẻ, run, sán, đau mắt, đau mùa, lỵ, tả, thương - hàn, ho lao, đau màng óc, sốt rét ngã nước, sốt định-kỳ, bệnh chày-rận. Bài trừ cách dùng thuốc nhấm. Cách nuôi người ốm.

Cứu thương và cấp cứu.— Bông, bụi vào mắt, chảy máu cam, chét ngạt, chét đuối, ngất, thổ nhân-tạo, đứt mạch máu, bong gân, trẹo chân, sai khớp xương, gãy xương, rấn cần, chó dại cắn, rửa và băng bó các vết cấn, khiêng người bị thương.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH LỊCH-SỬ

Mục-đích khoa lịch-sử là dạy cho trẻ em biết:

— gốc tích nước Việt-Nam

— yêu tổ-quốc

— làm phận-sự người công dân đối với tổ-quốc.

Trẻ em Việt-Nam cần biết nước Việt-Nam đã có từ bao giờ. Ai là người đã gây dựng nền giang-sơn tổ-quốc, ai là kẻ tô-diêm bồi đắp nền văn-hóa quốc-gia, ai đánh đuổi quân thù để bảo toàn lãnh-thổ cho nước, giữ vững độc-lập cho dân, thời đại nào nước Việt-Nam ở vào cảnh đô-hộ tàn-khốc, thời-đại nào dân Việt-Nam ca khúc khải-hoàn?

Tóm lại, trẻ em Việt - Nam cần phải noi theo gương các đảng danh-nhân đã làm vẻ vang cho tổ-quốc; noi theo gương sáng ấy để nâng cao lòng can-đảm, chí hy-sinh, nghĩa hợp-quần, lòng ái-quốc để cố gắng học-bành, tiên-thủ, ngõ hầu phát huy và quảng-đại sự-nghiệp của tiền-nhân để lại cho mình.

Học lịch-sử nước nhà, trẻ em sẽ biết trọng pháp-luật, nền tự-do và hiểu rõ quyền lợi của dân và của nước.

Dạy sử phải bỏ hẳn lối cũ chuyên về tiểu-sử các vua chúa. Trái lại, chỉ nên chú-trọng đến sự-nghiệp các vị anh hùng có công với đất nước và cần làm nổi bật tình hình xã-hội trong từng thời đại một về các phương-diện chính-trị, kinh-tế, văn - hóa cùng sự tranh đấu của quần chúng và ảnh-hưởng của các cuộc tranh đấu ấy đối với sự tiến-triển của dân tộc.

Dạy lịch-sử tức là làm sống lại cái quá khứ. Bài giảng phải hết sức rõ-ràng, khúc - triết, lời nói phải cảm động, hùng hồn, khiến trẻ vui vẻ, phấn khởi trước sự vinh quang của tổ-quốc, căm tức, phẫn uất trước sự uy hiếp đè nén của quân thù. Cần có nhiều tài liệu (tranh ảnh, địa-đồ, công-văn, ấn-tin, tiền, đồ vật cổ) để cụ-thể-hóa cho dễ.

Ở lớp tư và lớp ba, trí trẻ còn non nớt chưa có thể học hẳn lịch-sử theo thời đại. Ở lớp tư thì kể các chuyện cổ-tích, chuyện các bậc có tiếng trong vùng, chuyện các nhà khoa-học, chuyện các cuộc thám - hiểm. Lên lớp ba thì kể chuyện các danh-nhân trong lịch-sử, và nêu trong vùng có nhiều nơi cổ-tích thì cho học trò đi thăm, vừa làm cho trẻ vui thích lại vừa làm cho chúng cảm thấy những việc dĩ-vãng hơn là hiểu biết.

Từ lớp nhì trở lên, sử - học mới dạy theo thời-đại, song chỉ nên chú ý đến việc lớn, không cần tiểu tiết để học trò có thể thấy trạng-thái toàn thể dĩ-vãng cũng hiện tại của cả dân - tộc, chứ không phải của một người hay một việc trong thời gian.

IX.— CHƯƠNG-TRÌNH LỊCH-SỬ

LỚP TƯ.— Kể các chuyện cổ-tích, các chuyện theo tranh vẽ, chuyện các bậc có tiếng trong vùng, chuyện các nhà khoa-học, chuyện các cuộc thám hiểm.

LỚP BA.— Chuyện danh-nhân.

Thăm những nơi có vết-tích lịch-sử trong vùng. Kể cho học trò nghe những chuyện lịch-sử các bậc anh hùng.

1. — Cậu bé đuổi giặc Ân: Phù-đổng Thiên-vương.

2. — Quả dưa đỏ: An-Tiêm

3. — Cái nỏ thần: My-Châu, Trọng-Thủy.

4. — Chuyện Lữ-gia.
5. — Thủ chống nợ nước: Bà Trưng.
6. — Đầu voi phật ngọn cờ vàng: Bà Triệu.
7. — Vua đồng lầy: Triệu-quang-Phúc.
8. — Ngọn sóng Bạch-đăng: Ngô-Quyển.
9. — Cờ lau tập trận: Đinh-tiên-Hoàng.
10. — Châu-châu đá voi: Lý-thường-Kiệt.
11. — Chàng ăn vàng: Tô-hiền-Thành.
12. — Ông vua thương người: Lý-thánh-Tôn.
13. — Lòng quyết-chiến: Trần-thủ-Độ.
14. — Vì nước quên thù riêng: Trần-hưng-Đạo.
15. — Vì nước quên thù nhà: Trần-hưng-Đạo.
16. — Lời thề sông Hóa: Trần-hưng-Đạo.
17. — Trần Bạch-đăng: Trần-hưng-Đạo.
18. — Đục thuyền quân Nguyên: Yết-kiêu.
19. — Anh chàng bán than: Trần-khánh-Dư.
20. — Ngồi đàn sọt mà lo việc nước: Phạm-ngũ-Lão.
21. — Anh hùng tí-hon: Trần-quốc-Toàn.
22. — Làm quí nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc: Trần-binh-Trọng.
23. — Một mình một ngựa phá tan giặc: Trần-nhật-Duyệt.
24. — Ông trạng thanh-liêm: Mạc-đĩnh-Chi.
25. — Tước hầu đuổi giặc: Lê-Đắc.
26. — Người ấy là bậc cao hiền: Chu-văn-An.
27. — Cổ đầu người: Nguyễn-Biêu.
28. — Mười năm binh-định giặc Minh: Lê-lợi.
29. — Lê-Lai cứu chúa.
30. — Trả thù cho cha, rửa hận cho nước: Nguyễn-Trãi.
31. — Lũy thầy: Đào-duy-Từ.
32. — Trận Đồng-đa: Quang-Trung.
33. — Nhịn đói chịu đau mà chết: Nguyễn-tri-Phương.
34. — Thà chết không bỏ thành: Hoàng-Diệu.
35. — Doanh điền sứ: Nguyễn công-Trứ.
36. — Vua Yên-thê: Hoàng hoa-Thám.
37. — Tháo nước giết giặc: Phan-đình-Phùng.
38. — Người ông chung của trẻ em: Hồ-chí-Minh.

LỚP NHÌ. — Lịch-sử.

Nguồn gốc người Việt-Nam, cách sinh-hoạt về đời thượng-cổ: nghề làm ruộng (nông - khí bằng đá, nước thủy-chiếu), nghề đánh cá: tực vẽ mình.

Bắc-thuộc thời đại: các Thái-thú, các cuộc khởi nghĩa. Ảnh hưởng về văn-hóa và chính-trị của Bắc-thuộc.

Phục-hưng thời - đại: ngọn sóng Bạch - đăng: Ngô-Quyển.

Giết 5 sứ-quân: Đinh-tiên-Hoàng:

Phá Tống đánh Chiêm: Lê-dại-Hành.

Đánh Tống, đánh Chiêm, việc nội - trị và công việc nhân đạo của nhà Lý.

Hội-ngị Diên-hồng, đuổi giặc Mông-cổ, hai lần phá quân Nguyên, tổ-chức nền nội trị, xây dựng nền văn-hóa: nhà Trần.

Văn-nôm và Hàn-thuyên.

Sáng kiến và chính-trị của nhà Hồ.

Vì lẽ gì nhà Hồ bị giết và nhà Minh đặt nền đô-hộ ở nước ta?

Chính sách đô-hộ của nhà Minh.

Mười năm binh-định: Lê-Lợi.

Văn-hóa và chính-trị của Lê-thánh-Tông.

Công việc xã-hội của nhà Lê.

Có sao nhà Lê mất nước về nhà Mạc.

LỚP NHẤT. — Lịch-sử.

Nhà Mạc.

Công và tội của Trịnh và Nguyễn.

Nhà Tây-sơn, Quang-Trung đại phá quân Thanh, công nghiệp và những cái nhảm của Gia-Long.

Những cái nhảm của các vua nội nghiệp Gia-Long. Tình hình Việt-Nam trước hồi Pháp thuộc. Tại sao Pháp đánh lấy nước ta.

Người Pháp và chính-sách đô-hộ của người Pháp.

Phong-trào cách-mệnh và các cuộc khởi-nghĩa: phong-trào cần-vương, Phan-đình-Phùng, Hoàng-hoa-Thám, Đông-kinh nghĩa-thục, phong-trào xuất-dương: Nguyễn-thượng-Hiền, Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, Vua Bãi sậy: cụ Tân-Thuật, Thái-nguyên khởi-nghĩa, Yên-bái khởi nghĩa, Bắc-sơn khởi-nghĩa, Nam-kỳ khởi-nghĩa, Đồ-lương khởi-nghĩa, Tổng khởi-nghĩa tháng 8 năm 1945.

Nước Việt-Nam dân-chủ cộng-hòa. Ngày độc-lập.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH ĐỊA-LÝ

Mục-dịch khoa địa-lý ở các trường tiểu-học là dạy cho học-trò biết các điều cốt-yếu về nước Việt-Nam và các nước lân-bang, rồi đến những địa-thể về ngũ-dại-châu.

Khoa địa-lý là một khoa nhận xét cần cho học-trò trực-tiếp với sự vật. Những khi không có thể, thì cho nhận xét tranh-ảnh, địa-đồ, vân vân. Do những sự nhận xét ấy, trẻ sẽ tìm ra những điều cần thiết trong bài.

Ở lớp Tư, học-trò còn bé, không cần có bài, trong những lúc thuận-tiện và nhất là trong những buổi đi chơi, ông thầy chỉ cho học trò cái ao, cái hồ, đường xá, sông cái, sông con, tả ngạn, hữu ngạn, cầu cống, v. v. Những cái mắt thầy tai nghe sẽ in sâu vào trí nhớ. Những bài khô-khan trừu-tượng với những định nghĩa phiền phức, tối-tăm làm cạn óc trẻ, rất có hại cho sự phát-triển của trí-khôn.

Khi không quan-sát trực-tiếp được thì ông thầy lấy đất, cát, nước... làm thành ra những hình-thể mà học-trò chưa từng trông thấy. Trái đất sẽ tượng-chưng bằng quả cầu giấy, quả bưởi, quả bóng.

Từ lớp Ba giờ lên đã có bài, song bao giờ cũng cho quan-sát trước, rồi giải-thích sau, cần dẫn học-trò từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó.

Dù học địa-lý tỉnh minh cho đến địa-lý các nước khác, khi nào cũng phải có tranh-ảnh, địa-đồ cho học-trò xem xét. Địa-đồ chỉ nên ghi những điểm đại-cương cần-thiết. Nhiều khi chỉ vẽ địa-đồ cũng đủ, không cần ra bài, học-trò sẽ trông vào địa-đồ mà học.

Dạy địa-lý cũng như dạy các khoa-học khác, không nên quên cái mục-dịch thiết-thực. Những điều dạy sẽ phải có ích cho đời sống và phải có tính cách « giáo-dục công-dân ». Học-trò có hiểu địa-lý nước mình thì mới biết rõ công khai-thác của tiền-nhân. Nhờ vậy lòng yêu nước yêu nơi lại càng được phát-triển.

Trong lúc học địa-lý các nước lân-bang và ngũ-đại-châu, những chi-tiết có tính cách nhồi sọ phải bỏ hẳn mà chọn lấy những điều có tương-quan đến nước mình về kinh-tế, chính-trị và văn-hóa, những điều khiến học-trò phải so-sánh nghĩ-ngợi về khả-năng của nước mình để cho kịp người, hơn người.

X. — CHƯƠNG-TRÌNH ĐỊA-LÝ

LỚP TƯ. — Không có bài, không có giờ ở lớp.

Nhưng trong những cuộc đi chơi, tùy theo địa-phương, thầy chỉ và giảng cho học-trò biết: ao, hồ, đầm, sông đào, sông cái, sông con, lụt, lạch, suối, bèo, đảo, bến thuyền, bến tàu, đền bễ, bờ đê, đường đất, đường đá, đường đũa, ngõ, cầu, cổng, đập, chợ, tha-ma, nhà hàng, điểm canh, đồng bằng, ruộng, vườn, nương mạ, bãi, đường hỏa-xa, nhà ga, nhà giấy-thép, đường giấy-thép, đường điện-thoại, đường tàu-điện, núi, đèo, đồi, gò, thung-lũng, rừng, miều, hầm mỏ.

LỚP BA. — Lớp học, trường học, làng, xã, huyện hay phủ và thành-phủ, tỉnh.

LỚP NHÌ. — Nước Việt-Nam, Ai-Lao, Cao-Mên, Thái-Lan.

LỚP NHẤT. — Ôn lại nước Việt-Nam.

Các nước lân cận: Trung-Hoa, Nhật-Bản, Ấn-Độ.

Ngũ-đại-dương.

Ngũ-đại-châu.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH VẼ

Trẻ em không đứa nào là không thích vẽ. Nhật được miếng gạch non, hòn phấn hay màu bút chì là chúng vẽ vào khắp mọi nơi: mặt bàn, tường, cánh cửa, v. v... Ta nghiệm ra trẻ chỉ vẽ những thứ nó ưa thích: các gia-súc, người, tàu bay, tàu thủy, ô-tô... Lắm cái nó vẽ coi rất ngộ-nghĩnh.

Trẻ có khiếu vẽ ngay từ bé. Vậy nhà trường có bổn-phận làm nảy-nở khiếu ấy theo hai nguyên-tắc sau đây:

- a) phải trọng sự tự-do của đứa trẻ;
- b) khoa vẽ phải có tính cách giáo-dục.

Trọng sự tự-do của trẻ. — Ông thầy không nên nhất thiết bắt trẻ phải theo mình, trái lại chỉ nên khích-lệ, đề-xướng, hướng-dẫn để chúng vẫn có thể theo tính-tình và quan-niệm riêng của chúng mà vẽ, miễn là coi được thì thôi. Có thể thì khoa vẽ đối với chúng mới có hứng-thú và tài của chúng mới phát-triển được.

Tính cách giáo-dục. — Khoa vẽ, không phải chỉ là ứng dụng vào sự thực-tế mà còn có mục-đích làm nảy-nở trí quan-sát và khiếu thẩm mỹ nữa. Vậy khi vẽ một đồ vật gì thì phải để đồ vật ấy trước mắt cho trẻ được tự-do quan-sát, phân-tích, so-sánh, nhận-định màu-sắc. Sự quan-sát ấy ông thầy cần hướng-dẫn để cho có qui-cú. Đồ vẽ cần là một thứ thông dụng lại có hình thể dễ coi thì trẻ vẽ mới thấy ham thích.

Ở lớp Tư, tuy học-trò còn bé, cũng không nên quên đề đồ vật cho chúng quan-sát, nếu ông thầy có vẽ phác qua hình-thể đồ vật lên bảng có kẻ ô là để giúp trẻ vẽ cho dễ, chứ không phải là làm việc thay chúng.

Nên cho học-trò có nhiều dịp vẽ tự-do cũng vẽ trong trí (có tô mẫu càng hay) để gây cho chúng tính thích vẽ.

Khoa vẽ cũng như các khoa-học khác cũng đi lần lần từ sự dễ đến sự khó, từ sự đơn-giản đến sự phức-tạp. Vậy ở các lớp bé chỉ nên cho vẽ những vật đơn-sơ. Từ lớp Nhì giở lên mới cho vẽ các đồ vật khó hơn. Vẽ ký ức cũng bắt đầu từ lớp này và lại có thể cho hiểu qua loa về luật viễn vọng để vẽ cho đúng với sự tự-nhiên.

Vẽ theo đường ngoài mục-đích giáo-dục lại còn ứng-dụng vào nghề-nghiệp, nên ở các lớp lớn khoa này phải được chú ý đến một cách đặc-biệt.

XI. — CHƯƠNG-TRÌNH VẼ (vẽ theo giòng và theo kiểu)

LỚP TƯ. — Vẽ đường thẳng, đường song hành, đường gãy.

Vẽ theo mẫu có kẻ ô trên bảng (mỗi khi có thể, nên để cả đồ vật cho học-trò nhận xét thêm).

Vẽ tự-do.

LỚP BA. — Vẽ đường cong, đường xiên.

Vẽ trong trí với các đường.

Vẽ tả chân các đồ vật rất giản-dị, các lá cây, các quả củ.

Vẽ tự-do.

LỚP NHÌ. — Vẽ các đường, các góc, các hình đã học ở hình-học. Lấy những hình ấy mà vẽ trong trí.

Vẽ tả chân các đồ vật thường dùng.

Vẽ theo trí nhớ các con vật, các hoa quả, cây cỏ (cho học-trò nhận xét trước vài hôm).

Vẽ tự-do.

LỚP NHẤT. — Vẽ các hình và các khối học ở hình học.

Lấy những hình ấy mà vẽ trong trí.

Vẽ có kích thước (échelle) các đồ vật thường.

Vẽ tả chân những đồ vật thường dùng.

Vẽ theo trí nhớ.

Vẽ phác họa các điệu bộ dễ của các con vật và người đang làm việc.

Vẽ phong-cảnh.

Vẽ tự-do.

LỜI NÓI ĐẦU VỀ CHƯƠNG-TRÌNH THỦ-CÔNG

Môn thủ-công có nhiều mục-đích:

- 1) luyện cho trẻ khéo tay,
- 2) bày cho trẻ làm lấy đồ dùng khỏi mất tiền mua,
- 3) rèn cho trẻ làm việc kỹ càng không cầu-thả,
- 4) tập cho trẻ làm việc có phương-pháp.

Sự học thủ-công lại có thể giúp cho trẻ trong việc chọn nghề về sau.

Như vậy thủ-công là một môn rất quan-trọng ở bậc tiểu-học, thầy giáo không thể cho nó là một môn học chơi được.

Muốn đạt những mục-dịch trên, thầy giáo nên:

a) bắt học-trò làm ngay ở lớp, vì cho đem về nhà các em sẽ mướn người khác làm hộ.

b) cho làm những cái vừa sức trẻ vì cho làm khó quá, chúng không làm được, chúng sẽ chán-nản, sinh ra lời dối.

c) những thứ nào cần nhiều giờ thì nên chia ra nhiều kỳ, thí-dụ muốn đan cái quạt nan thì kỳ thứ nhất hãy tập mài dao, kỳ thứ hai tập chế và vót nan, khi đã đủ nan rồi thì kỳ thứ ba hay thứ tư mới học đan.

d) khi bày cho học-trò làm cái gì thì thầy giáo nên cùng làm, thấy làm và giảng trước, học-trò theo sau.

đ) cho làm những cái có ích, có thể dùng được thì trẻ mới thích.

e) bảo làm cái gì thì bắt làm thật xong mới thôi, dù xấu cũng không bỏ dở để tập cho trẻ quen tính bền gan.

g) nếu làm hỏng thì bắt làm lại, làm cho đến kỳ được mới thôi để rèn cho trẻ sự lập chí.

h) làm cái gì có kích thước thì bắt làm thật đúng, đừng có cái lỗi hơi đúng hay vừa vừa để tập cho trẻ tính đúng mực.

i) khi chấm không nên trông về toàn thể mà khen hay chê, nên phân tách ra từng cái, chỗ được thì khen chỗ hỏng thì chê để khuyến-khích trẻ làm cho hoàn toàn.

XII. — CHƯƠNG-TRÌNH THỦ-CÔNG

LỚP TƯ. — Quét nhà, lau bàn ghế.

Chải đầu, cắt móng tay, thắt nút quần, bọc sách vở, kẻ vở, kẻ dòng đôi, làm nút lọ mực, gấp tờ báo, cuốn kèn, nối dây, gấp các đồ chơi, cắt, trở, đan.

LỚP BA. — Quét nhà, lau bàn ghế, lau bảng, lau cửa kính. Đóng vở, cắt nhãn sách, kẻ nhãn sách, gọt bút chì, buộc dây giấy, chải áo, gấp quần áo, khăn mặt, đánh giấy, đánh mũ.

Gói hàng, buộc gói.

Vót tăm, chế đóm.

Cắt, trở, đan.

LỚP NHÌ. — Quét nhà, lau bàn ghế, lau bảng, lau cửa kính, trang hoàng nhãn sách, làm quần bút bằng giấy, bằng tre, cái giá bút, ống tăm, ống hoa bằng tre, bàn chải đánh răng, còi sáo bằng tre. Vót dũa, vót nan, chế lát, đan quạt nan, vì ruồi. Làm các thứ hộp.

Nặn các thứ đồ chơi bằng đất, hoa, quả, lá.

LỚP NHẤT. — Quét nhà, lau bàn ghế, lau bảng, lau cửa kính, rửa chai, rửa lọ.

Làm nón đèn, các thứ hộp, trở các thứ hoa.

Làm khung ảnh, lồng kính, lịch, cặp, giá giấy.

Vặn thùng, vặn chổi, vặn quang.

Đan phen, đan giề.

Làm cái thước đo, cái ke, cái khoan (compas), cái dùi, cái móc mảnh, cái móc mản.

Nặn các súc vật và người.

Đóng sách in và xén sách.

XIII. — TRÒ CHƠI

Trẻ có tính hiếu động. Bất chúng ngồi luôn mấy giờ đồng hồ trong lớp học thì chúng chịu sao nổi, vì thế mà khi bắt trẻ học lâu, nhiều em sinh ra đặng chí, mụ ọc hay nghịch ngợm. Vậy thường-thường trong lớp học thầy giáo nên bày ra các trò chơi để chúng được giải trí. Và lại trò chơi cũng có nhiều ích lợi lắm; có trò chơi để luyện các giác-quan như mắt, mũi, tai, lưỡi; có trò chơi để luyện các khiếu như sự quan-sát, trí nhớ lâu, nhanh trí-khôn; lại có những trò chơi để luyện óc trật-tự, tinh-thần hợp-quần, tính thật-thà, lòng can-dảm, hay làm nờ các bắp thịt và tăng sức khỏe.

Ở hai lớp cuối (lớp Ba và lớp Tư) chương-trình học còn nhẹ, có nhiều thì giờ, nên trong thời khóa-biểu có để dành riêng mỗi tuần mấy kỳ chơi; thầy giáo nên lợi dụng chỗ đó mà rèn-luyện các giác-quan, các khiếu hay các đức-tính con trẻ.

Lên lớp Nhì và lớp Nhất, chương-trình học nhiều nên trong thời khóa-biểu không thấy có giờ cho chơi; tuy vậy, thầy giáo cũng không nên quên việc ấy; sau mỗi bài học thầy nên để dành phút cho học trò hát một bài hay chơi một trò chơi nào để chúng giải-trí.

Khi cho chơi, thầy giáo nên nói rõ cách chơi và luật chơi cho các trò hiểu để chơi khỏi nhầm và mới hăng.

Điều khiển một trò chơi thì để ý làm cho học trò thật thà, hăng hái và trọng kỷ-luật.

XIV. — THỂ-DỤC

Trước đây, tuy trong chương-trình ở bậc tiểu-học cũng có môn thể-dục, nhưng phần đông giáo viên đối với môn này tỏ một thái độ hững hờ. Đó là một khuyết điểm tai hại.

Ngày nay, đề dự vào công cuộc cải-tạo giống-nòi, các giáo viên phải cực-lực tẩy trừ cái quan-nhiệm sai lầm đối với thể-dục, phải nhận chân cái địa-vị quan trọng đặc-biệt của môn này trong nền giáo-dục mới của nước Việt-Nam.

Môn thể-dục ở bậc tiểu-học không có mục-dịch làm cho trẻ trở nên những nhà lực-sĩ ti-hon, mà chỉ cốt làm cho chúng khỏe mạnh, mềm-dẻo, nhanh nhẹn.

Ngoài mục-dịch chính, thể-dục có ảnh-hưởng tốt về trí-dục và đức-dục. Môn này làm cho tinh-thần trẻ minh mẫn hơn, gây cho chúng được nhiều đức-tính, lòng quả-cảm, tinh-thần kỷ-luật, tinh-thần tập-thể.

Trong việc dạy thể-dục, ta nên nhớ rằng trẻ đang ở tuổi nhón. Ở tuổi này ta chỉ có thể bắt trẻ tập những cử động hợp với sự nhu-cầu về sức của chúng. Ta phải tránh đừng bắt trẻ dùng sức một cách quá độ, vì làm như thế là làm cho các bắp-thịt rắn lại và làm trở ngại sức nhón của trẻ. Ta lại phải tránh đừng chú-ý tập riêng cho một bộ-phận nào mà phải tập đều các bộ-phận để cho thân-thể nở-nang một cách đều hòa. Trừ những trẻ mà thầy thuốc chứng nhận cho được miễn, còn trẻ nào cũng phải tập thể-dục. Những trẻ ốm yếu lại càng phải tập. Lẽ dĩ-nhiên, những trẻ này tập nhẹ hơn những trẻ khỏe mạnh. Giờ tập thể-dục thường về buổi chiều, sau

những giờ học chữ, nhưng nếu có thể được nên cho tập buổi sáng, nhất là về mùa nóng, miễn là giờ tập phải cách xa bữa ăn. Ngoài những buổi tập chính-thức, ở trong lớp học, khi ta nhận thấy trẻ uể oải, ta có thể cho trẻ tập thở năm ba cái. Những lúc làm như vậy, phải bắt trẻ đứng dậy và phải mở rộng hết tất cả các cửa.

Tập thể-dục phải ở nơi thoáng khí rộng rãi. Khi tập, về mùa rục, trẻ phải cởi trần, chỉ được mặc quần đùi. Về mùa lạnh, lúc bắt đầu tập, đừng bắt trẻ cởi trần ngay. Tuy vậy, đừng để cho chúng mặc quần chùng áo dài hay thứ quần áo khác làm cho chúng cử động không được dễ dàng.

Ở trường tiểu học thể-dục chia làm ba bậc :

Bậc thứ nhất : từ 7 đến 9 tuổi,

Bậc thứ nhì : từ 10 đến 12 tuổi,

Bậc thứ ba : từ 13 đến 16 tuổi,

Một bài tập thể-dục đầy đủ chia ra làm ba phần :

- | | | |
|---------------|------|------------------|
| 1) khởi động | 2/10 | thì giờ toàn thể |
| 2) trọng động | 7/10 | — |
| 3) hồi tĩnh | 1/10 | — |

Về chi-tiết các bài tập, các giáo viên sẽ xem ở sách thể-dục.

Dưới đây tóm tắt các điều cần-thiết mà các giáo viên phải biết trong việc dạy thể-dục :

- 1) Chia học trò thành toán tùy theo sức khỏe. Một đứa trẻ tuổi lên 10 nhưng yếu sức có thể xếp vào bậc từ 7 đến 9 tuổi. Trái lại, một đứa trẻ tuổi tuy lên 8 nhưng khỏe mạnh cứng cáp có thể vào bậc từ 10 đến 12.
- 2) Bài tập hợp với sức của học trò. Tập quá sức thì có hại, cho tập nhẹ quá thì vô ích.
- 3) Bài tập phải liên-tiếp nghĩa là đừng cho nghỉ luôn.
- 4) Lần lượt tập các cử-động của thân-thể.
- 5) Tập phải từ cử-động dễ đến cử-động khó.
- 6) Bắt đầu tập nhẹ, rồi tập nặng dần lên sau lại cho tập nhẹ dần.
- 7) Bài tập phải vui. Không nên cho tập mãi một cử-động. Phải thay đổi cách tập để trẻ khỏi chán. Ông thầy có thể bịa một chuyện vui cho trẻ thích, làm những cử-động của một toán quân đi đánh giặc chẳng hạn. Làm như vậy, học trò cùng đi, cùng bò, cùng leo trèo, cùng nhảy, chạy, cùng mang xách, cùng chống đỡ, nghĩa là chúng tập theo bài mà vẫn tưởng là chơi.
- 8) Các cử-động phải làm cho mềm mại. Tránh lời tập có tính cách máy móc.
- 9) Về mùa rét, trước khi tập phải làm cho trẻ nóng người.
- 10) Sau mỗi buổi tập nên cho học trò tắm hay lau mình.
- 11) Mỗi một trẻ phải có một cái phiếu để một năm hai kỳ ghi kết-quả về thể-dục.

XV. — HOẠT-ĐỘNG THANH-NIÊN VÀ PHÉP HÀNG-ĐỘI.

Thường thường trong lớp học, giữa thầy và trò vẫn có cái không-khí kính-nể, nên khó lòng mà hiểu rõ được chúng để làm công việc rèn-luyện được chu đáo ; và lại

giữa anh em bạn cũng không có sự liên-lạc mật-thiết, nên khó mà gây được tinh-thần tập-thể. Vậy thầy giáo nên tổ-chức học trò trong lớp mình thành một đoàn như đoàn Hướng-đạo mà thầy là đoàn-trưởng.

Đoàn phải có tên đoàn, bài hát chính thức của đoàn, châm-ngôn của đoàn, luật-lệ của đoàn, và nếu có thể được một dấu hiệu cho các đoàn-sinh đeo. Trong đoàn lại có phó-đoàn-trưởng (do đoàn-trưởng chọn), thư-ký, thủ-quỹ (do anh em bầu lên) để giúp việc đoàn-trưởng.

Muốn luyện óc tổ-chức, gây óc sáng-kiến, chỉ cố gắng tranh đua, tinh-thần kỷ-luật, tinh-thần tập thể được dễ dàng, đoàn-trưởng lại chia đoàn ra nhiều đội và áp dụng ngay phép hàng đội tự trị của hướng-đạo.

Cách tổ-chức hàng đội :

- 1) Từ 7 đến 10 em hợp thành một đội,
- 2) Cỗ xếp để sức học các đội không chênh lệch nhau quá
- 3) Trong mỗi đội có cả học trò nhón và học trò bé (những em nhón cho ngồi đầu bàn gần tường).
- 4) Mỗi đội có 1 đội-trưởng (do anh em trong đội bầu lên) và 1 phó-đội-trưởng (do đội-trưởng chọn) và một đời sống riêng.
- 5) Mỗi đội lại tự chọn lấy một tên riêng (hoặc tên một vị anh-hùng, tên một nơi có vết-tích lịch-sử, hoặc tên một con vật, tùy ý các em).
- 6) Mỗi đội có tiếng kêu, châm-ngôn, nội-lệ, cờ-đội riêng, và nếu có thể được thì có tua vai và có dấu riêng.
- 7) Đối với đoàn-trưởng, đội-trưởng hoàn toàn chịu trách-nhiệm về đội mình ; vậy đối với các đội-trưởng, đoàn-trưởng phải cần-thận, như là hết lòng tin cậy, đừng làm mất thể-diện của họ : khi có điều gì muốn chỉ-trích thì nên nói riêng, đừng nói trước mặt các em khác ; lễ-phong đội-trưởng nên tổ-chức một cách dân-dị nhưng rất trang-nghiêm.
- 8) Đối với các đội, đoàn-trưởng không nên phạm đến đời sống riêng của họ, đoàn-trưởng phải trọng đặc-tính của từng đội ; khi các đội có bày tỏ ý-kiến gì, đoàn-trưởng cũng nên để ý đến.

Cách chia công việc cho các đội :

Các đội lần lượt làm công việc trong lớp : quét lớp lau bàn ghế, bảng, tủ, cửa...

Đội-trưởng mỗi đội phân chia các công việc cho anh em trong đội tùy theo sức : nhón làm việc nặng, bé làm việc nhẹ.

Ngoài công việc hàng ngày nói trên, đoàn-trưởng có thể giao cho mỗi đội một công việc làm trong một tháng : giữ gìn các bản-đồ, coi học cụ khô, tủ sách, trông nom cây cảnh, v. v...

Để khuyến-khích học trò cố gắng tranh đua, đoàn-trưởng nên dùng cách cho điểm về công việc của từng đội. Ngoài ra đoàn-trưởng lại có thể cho điểm về từng người bằng sự thêm cho một điểm khi người ấy làm điều gì đặc-sắc, hoặc bớt đi một điểm khi người ấy phạm một lỗi nặng. Sự thưởng hay phạt về cá nhân có ảnh-hưởng

cho cả đội. Cuối mỗi tháng, đoàn-trưởng cộng điểm của các đội. Đội nào được nhiều điểm nhất được nhận là cờ danh dự (hay một thứ khác) và giữ lá cờ ấy trong một tháng. Lễ phát cờ danh dự nên cử hành một cách trang-nghiêm.

Một thí-dụ về cách cho điểm :

Đội Đinh-tiên-Hoàng :

Công việc chung trong lớp	16
Công việc riêng.	15
Điểm số trung bình hàng tháng về việc học của toàn đội	14,50
Thưởng.	5
Cộng	50,50
Phạt	7
Còn.	43,50

Hợp đoàn và hợp đội :

Mỗi tuần, nên cho hợp đoàn một lần và hợp đội một lần vào buổi hoạt-động thanh-niên. Đoàn hợp trước, các đội hợp sau hay các đội hợp trước rồi đoàn hợp sau đều được cả. Các buổi hợp đó là để các em học chuyên-môn, chơi hay hát với nhau. Cũng có khi dùng buổi hoạt-động thanh-niên để làm các công việc xã-hội hay để đi điều-tra một việc gì. Trong những việc này nên cho các đội làm thì để thêm phần hăng hái.

Chương-trình một buổi hợp ;

- 1) Hát chính thức,
- 2) Đoàn-trưởng nói một vấn-đề để nâng cao tinh-thần các em hay giảng một điều-luật.
- 3) Hát hay làm tiếng reo.
- 4) Học chuyên-môn,
- 5) Trò chơi,
- 6) Học chuyên-môn,
- 7) Trò chơi,
- 8) Học chuyên-môn,
- 9) Trò chơi hay hát hay làm tiếng reo,
- 10) Kể chuyện,
- 11) Học hát,
- 12) Đoàn-trưởng dặn dò các công việc,

XVI. — ĐI CẨM TRẠI

Thường thường học trò chỉ ở trong nhà hay trong lớp học, con mắt của chúng bị bốn bức tường hay lũy tre chung quanh làng ngăn cản không trông được xa. Nhân ngày nghỉ thầy giáo đưa học trò đi cắm trại bên một ngọn núi cao, bên bờ biển hay cánh-đồng rộng để tầm con mắt chúng được mở rộng, chí trẻ được nâng-cao. Những lúc cắm trại đó, trẻ-được sống gần thiên-nhiên nên dễ yêu tạo vật, trẻ có dịp tốt để tập làm, tập tháo vát và ông thầy cũng có dịp sống gần trẻ để hiểu chúng hơn.

Vậy mỗi tháng, mỗi giáo viên nên tổ-chức cho học trò mình ít nhất là một kỳ trại một hay hai ngày và để ý đến các điều kiện sau đây :

a) tìm chỗ cắm trại.

- 1) thầy giáo nên đi tìm trước,
- 2) trại phải gần nước ăn lành,
- 3) tiện nước để tắm rửa,
- 4) tiện chỗ để mua thức ăn,
- 5) chỗ đất phải ao ráo, ít gió, nhiều ánh mặt trời,
- 6) có một chỗ đất chung để chơi,
- 7) nếu có phong-cảnh đẹp hay gần một xưởng kỹ-nghệ để các học trò được xem thì càng hay.
- 8) có chỗ để trú lúc mưa to,
- 9) không có muỗi độc và bệnh truyền-nhiễm,

b) đi trại —

1) sửa soạn các thứ trước rất cẩn-thận, mang ít thời, chỉ những thứ rất cần, như hộp cứu-thương để phòng khi xảy ra tai nạn hay ốm đau.

2) đường gần độ 5, 6, cây thì đi bộ. Đường xa quá thì cho đi tàu hay ô-tô hay thuyền một quãng, nếu không có tàu xe thì nên cho đi từng độ cho khỏi mệt.

c) tới trại —

1) xếp đặt trại cho có thứ-tự, cần có hồ vệ-sinh và hố rác

2) nếu có lều thì cho cắm chỗ khuất gió và thoát nước. Ở núi thì tránh đỉnh núi vì nhiều gió quá và chân núi thì ẩm thấp.

3) cho học trò ăn no, ngủ kỹ, chơi hăng, (nhớ lên trại nào cũng cho chúng chơi một cuộc chơi lớn thì chúng mới thích).

d) về trại —

Trước khi về nhà lập các hồ và quét dọn sạch sẽ.

XVII. — CHƯƠNG-TRÌNH NỮ CÔNG BẠC CƠ-BẢN

Huấn thị. — Ở bậc cơ-bản, học trò còn nhỏ, trọng nom dạy nữ công nên chú ý đến mấy đặc-điểm sau này :

1) coi phần thực-hành trọng hơn lý-thuyết nhất là ở hai lớp nhỏ chỉ chuyên dạy thực-hành thôi.

2) chỉ dạy những điều thông thường để khi về nhà, trẻ con áp dụng ngay vào việc trong nhà, mới thật có ích và thành khỏe được.

3) dạy làm việc gì cũng bắt đến hoàn-hảo mới thôi; nếu chưa được phải cho trẻ tập nhiều lần để tập tính làm việc chu-đáo.

Gia-chánh.

LỚP TƯ. — Quét nhà, lau bàn-ghế, xếp sách-vở có thứ-tự, bọc sách, kẻ vở, cắt móng tay, lau nút lọ mực, vớt tắm, nối giày giút và gập khăn tay, nhặt rau, chẻ dưa, cắt nấm cà, gọt khoai.

LỚP BA. — Quét nhà, lau bàn-ghế, rửa và lau ẩm chén, đóng vở, cắt và để nhân sách, gói hàng, bọc gói, chữa guốc đứt, lau bát, dọn cơm, róm lửa, đun nước, pha trà, thái rau để nấu canh, gọt bí, gọt mướp, giặt khăn tay.

LỚP NHÌ. — Giữ nhà thề nào cho hợp vệ-sinh, quét nhà, trần, tường, lau cửa kính, lau bàn-ghế, đánh đồ đồ đồ bạc. Đi chợ, thái rau sống, thái thịt, làm cua, nhặt

tôm, bằm bấu, bí, rửa bát, vo gạo, rán đậu, cà, trứng trứng, sào giá, rau muống, rau cải, rang lạc, vừng, rang cơm, giặt áo.

LỚP NHẤT. — Vệ-sinh về sự ăn uống, tính-chất các thứ ăn, các cách nấu, cách chọn thức ăn tươi tốt, sự cần thay đổi món ăn, cái hại ăn quà vặt, đi chợ, làm thực đơn, thổi cơm, đồ xôi, nấu chè, kho đậu, kho thịt, rán cá, nấu canh, nấu riêu, muối dưa cải, dưa giá, dưa cần, muối cà, muối kiệu.

Vệ-sinh về quần áo: cách ăn mặc cho tiện lợi và hợp vệ-sinh, cách chọn hàng và màu để may quần áo, cách giặt áo len, lụa, vải, các áo màu, tẩy vết bẩn, là quần áo, giặt vải nâu.

Khâu.

LỚP TƯ. — Sâu kim, tết nút chỉ, cầm kim, khâu lược, khâu lượn, đột thừa, theo đường chỉ rút ra, đính cúc áo, khâu sứt chỉ.

LỚP BA. — Ôn lại các đường lượn, đột thừa, đột mau, khâu đường cành cây, xúc-xích. Khâu gấp nếp, gấp mép thẳng, đính cúc bấm, đan mũ.

LỚP NHÌ. — Ôn lại các đường học ở lớp ba, khâu sang sợi, khâu dề, khâu gấp mép chéo, vá áo, thùa khuyết chữa khuyết đứt khâu vải chữ dưa dề, khâu khăn tay, đo đan áo trẻ con.

LỚP NHẤT. — Mạng thẳng, mạng vuông, vá áo, thêu khăn tay, áo gối, cắt và may áo trẻ con, áo cánh, quần đùi, đan áo, bít tất.

Dưỡng nhi.

LỚP TƯ. — Không có.

LỚP BA. — Không có.

LỚP NHÌ. — Giữ em, bế em, mặc áo và thay lót cho em, đặt em ngủ, rửa bình sữa, luộc bình sữa.

LỚP NHẤT. — Vệ-sinh về người đàn bà có thai. Sự cần sửa soạn lót, áo cho đứa trẻ sắp sinh, giường nằm của đứa trẻ em, tắm rửa cho đứa trẻ, những điều lợi nuôi con bằng sữa mẹ, nuôi trẻ bằng sữa bò, pha sữa, bú sam, cần phải xem phân và cân đứa trẻ, giống đậu cho đứa trẻ, cho nó ra ngoài. Đứa trẻ mọc răng, thôi bú. Vài bệnh thông thường của trẻ sơ sinh, tưa, tướt, ho, đau mắt, sỏi, thủy-đậu.

THỜI GIỜ TỔNG CỘNG CỦA TỪNG KHOA HỌC TRONG MỘT TUẦN LỄ

CÁC KHOA HỌC	LỚP TƯ	LỚP BA	LỚP NHÌ	LỚP NHẤT
Đức-dục	Dạy vào lúc thuận tiện	Dạy vào lúc thuận tiện	1 g	1 g.
Công-dân giáo-dục.....	0	0	0 g 30	0 g 30
Tập-đọc.....	3 giờ	2 g 30	1 g 15	1 g 30
Chính-tả và văn-phạm.....	3 g.	1 g 30	1 g	2 g.
Ngữ-vựng.....	1 g. 20	1 g.	1 g 30	0 g 30
Học thuộc lòng.....	0 g. 20	0 g 30	0 g 30	0 g 30
Luận	0	1 g.	2 g.	2 g.
Kể chuyện.....	0 g. 50	0 g 45	0 g.	0
Viết-tập.....	1 g. 40	1 g.	0 g 30	0 g 30
Toán-pháp.....	2 g. 30	3 g 45	3 g.	3 g.
Quan-sát, khoa-học thường-thức.....	2 g. 05	1 g 15	1 g 30	1 g 30
Canh-nông kỹ-nghệ.....	0	0	0	0 g 45
Vệ-sinh.....	Dạy vào lúc thuận tiện	Dạy vào lúc thuận tiện	0 g 30	0 g 30
Địa-dư.....	Dạy vào lúc đi chơi	1 g 30	1 g 30	1 g 30
Lịch-sử.....	0	0 g 30	1 g 30	1 g 30
Vẽ	0 g. 40	1 g	1 g	1 g
Thủ-công.....	1 g. 30	1 g	Làm vào giờ thanh-niên	Làm vào giờ thanh-niên
Thể-thao	2 g.	3 g	2 g.	2 g.
Giờ-chơi	2 g. 15	2 g 15	2 g 15	2 g 15
Hoạt-động thanh-niên.....	2 g. 30	2 g 30	2 g 30	2 g 30
Trò chơi hướng-dẫn.....	1 g. 20	1 g	0	0
	25 giờ	25 giờ	25 giờ	25 giờ